



Běi Fēi

北非

proper noun (place) · North Africa

## Example Sentences

Běi Fēi yǒu hěn duō shā mò  
北非有很多沙漠。

North Africa has many deserts.

Tā qù nián qù Běi Fēi lǚ xíng le  
他去年去北非旅行了。

He traveled to North Africa last year.

Běi Fēi de wén huà hé lì shǐ fēi cháng fēng fù  
北非的文化和历史非常丰富。

The culture and history of North Africa are very rich.

Trace each character, then write the word on your own.

北 北 北 北 北 北 北 北

非 非 非 非 非 非 非 非 非 非 非